

Nông nghiệp Việt Nam có vai trò quan trọng nhiều mặt đối với đời sống kinh tế xã hội của đất nước (sử dụng 70% nguồn nhân lực, 20% vốn đầu tư của Nhà nước, tạo ra 38% giá trị sản phẩm, 50% thu nhập quốc dân, 40% giá trị hàng xuất khẩu, nếu tính cả lâm hải sản là 55%). Với vị trí đó, đường lối đổi mới đã xác định phải đi từ nông nghiệp, gắn ngay từ đầu nông nghiệp với công nghiệp nhằm giải quyết cái ăn của nhân dân, và từng bước nâng mức thu nhập, tăng sức mua của nông dân, mở rộng thị trường trong nước, tham gia vào thị trường nông sản thế giới. Từ mục tiêu này, chúng tôi định ra ba chương trình kinh tế lớn của đất nước: chương trình lương thực thực phẩm, chương trình sản xuất hàng tiêu dùng và chương trình sản xuất hàng xuất khẩu.

I

Từ sự xác định vị trí của nông nghiệp trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân, trong những năm qua, chúng tôi đã tiến hành đổi mới chính sách nông nghiệp theo hướng tích cực và có tác dụng thiết thực cho sự ổn định và phát triển sản xuất (năng suất, chất lượng và hiệu quả nông nghiệp có tăng, sản phẩm nông nghiệp dành cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu nhiều hơn, đời sống nông dân cũng được cải thiện). Những đổi mới trong chính sách đối với nông nghiệp trên những khía cạnh chủ yếu là:

1. Trên cơ sở thừa nhận vai trò của các thành phần kinh tế khác bên cạnh thành phần kinh tế quốc doanh, tập thể, đã khuyến khích sự phát triển của kinh tế tư nhân, kinh tế gia đình, tạo thêm động lực cho nông nghiệp.

Thực hiện và hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm trong hợp tác xã, tập đoàn sản xuất. Kinh tế nông hộ đã được khôi phục và phát triển với tư cách là một đơn vị kinh tế hàng hóa có quyền tự chủ với đầy đủ nghĩa vụ và lợi ích.

Với cơ chế khoán và việc thực hiện nhiều chủ trương biện pháp quản lý mới, đến nay, hầu hết các nông hộ (kể cả hộ xã viên, tập đoàn viên và hộ nông dân cá thể) được giao ruộng đất sử dụng lâu dài. Nông hộ được sử dụng tư liệu sản xuất vừa với khả năng của họ, được tự chủ tổ chức lao động và thuê thêm nhân công bổ sung. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và thanh toán các khoản chi phí dịch vụ đối với các đơn vị tổ chức kinh tế khác, nông hộ được trọn quyền chi phối sản phẩm và lợi ích do họ tạo ra.

Tuy nhiên, đứng trước yêu cầu phát triển, các nông hộ còn khó khăn về:

- Qui mô ruộng đất, vốn và nguồn nhân lực còn quá nhỏ bé;
- Việc tiêu thụ nông sản còn khó khăn, giá nông sản trên thị trường còn thấp so với mặt bằng giá thế giới và so với giá vật tư, dịch vụ đầu tư vào;
- Còn phải đóng góp (thông qua thực hiện pháp lệnh thuế) tương đối nặng nề;

4 PHÁT TRIỂN KINH TẾ



ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

ĐÀO CÔNG TIẾN

Hiệu Trưởng Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

(THAM LUẬN PHÁT BIỂU TẠI HỘI NGHỊ QUỐC TẾ VỀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP - HÀ NỘI 20 - 22/8/91)

- Hệ thống chuyển giao khoa học công nghệ đến cho nông hộ còn nhiều hạn chế.

2. Trên cơ sở thừa nhận một nền kinh tế thị trường, chúng tôi đã thực hiện cải cách hệ thống giá và mở rộng thị trường đối với sản xuất nông nghiệp.

Đã chuyển sang cơ chế giá thị trường đối với việc cung ứng dịch vụ cho sản xuất (đầu vào) và tiêu thụ sản phẩm (đầu ra) theo sát giá trị quy luật cung cầu.

Cùng với việc thay đổi cơ chế giá, cũng đã kiên quyết xóa mọi chướng ngại làm cản trở giao lưu hàng hóa để các đơn vị hoặc cá nhân người sản xuất được tự do gắn với thị trường, tiếp nhận sự cung ứng dịch vụ cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm làm ra.

Việc thực hiện những giải pháp kinh tế thị trường trên đây đã có tác dụng tích cực, thiết thực để ổn định và phát triển sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, sự hạn chế về sức mua của thị trường nội địa và sự hòa nhập vào thị trường thế giới, sự hạn chế của năng suất, chất lượng và hiệu quả của sản xuất và chế biến nông sản và một hệ thống lưu thông phân phối nhưng gian nhiều tầng nấc với chi phí phát sinh lớn dẫn đến tăng giá đầu vào và ép giá đầu ra, đối với người sản xuất, đang còn là vấn đề

gay gắt trong việc phát triển nền nông nghiệp hàng hóa của chúng tôi.

3. Để ổn định và phát triển sản xuất nông nghiệp, bên cạnh việc đa dạng hóa các loại hình sở hữu, loại hình doanh nghiệp, mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân người sản xuất, sử dụng các quan hệ kinh tế thị trường (như đã nêu trên), việc quản lý của nhà nước nhằm định hướng và điều tiết ở tầm vĩ mô, bằng kế hoạch, luật pháp, chính sách, bằng xây dựng và sử dụng hợp lý các quỹ quốc gia cho nông thôn đã từng bước được đổi mới:

- Trên cơ sở điều chỉnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu vốn đầu tư của nhà nước, chúng tôi đã nâng tỷ lệ đầu tư cho nông nghiệp để xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo nguồn năng lượng, tạo nguồn nước, phân bón, thuốc phòng chống sâu bệnh và cho các công trình văn hóa xã hội ở nông thôn.

- Xây dựng chiến lược phát triển, xây dựng các kế hoạch dài hạn và trung hạn nhằm định hướng phát triển nền nông nghiệp và xây dựng hệ thống chuyển giao kỹ thuật cho nông nghiệp.

- Sửa đổi các văn bản pháp luật và chính sách như luật ruộng đất, pháp lệnh thuế nông nghiệp, giảm 50% thuế nông nghiệp trong hai năm (1990-1991)

theo di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hạ lãi suất tín dụng nông nghiệp và nhiều chính sách xã hội khác ở nông thôn.

Trên thực tế, các đơn vị và cá nhân người sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam thừa nhận vai trò thiết thực này của Nhà nước. Tuy nhiên thời gian đổi mới cách thực hiện vai trò đó, thực hiện quản lý phù hợp với sự vận dụng cơ chế thị trường ở chúng tôi chưa nhiều, nên còn không ít những vấp vấp, bở ngỡ, chưa đạt ngay đến mức độ hoàn thiện cần thiết; bên cạnh đó còn có sự hạn chế về thực lực của Nhà nước, các quỹ quốc gia về dự trữ, bảo hiểm, trợ nông, phúc lợi, và cứu tế xã hội không nhiều. Vì vậy, việc hữu hiệu cho xã hội và cho Nhà nước trong việc yểm trợ phát triển đối với các đơn vị và cá nhân người sản xuất nông nghiệp còn nhiều khó khăn.

4. Với chủ trương mở rộng quan hệ hợp tác với tất cả các nước trên thế giới, trong thời gian qua, nhất là trong những năm gần đây, nền nông nghiệp Việt Nam cũng đã gắn bó với nền kinh tế thế giới qua thương mại, đầu tư, chuyển giao kỹ thuật, qua các chương trình văn hóa, xã hội mà nhiều tổ chức quốc tế, nhiều tổ chức và cá nhân ở nhiều nước đã dành cho Việt Nam.

II

Đổi mới, nhất là đổi mới về chính sách đã thu được kết quả nhất định cho sự ổn định và phát triển nông nghiệp. Tuy nhiên, vì khởi điểm của nền kinh tế quá thấp kém, lại trải qua chiến tranh kéo dài với những hậu quả nghiêm trọng và những sai trái do duy trì quá dài cơ chế, chính sách tập trung quan liêu bao cấp, nên hiện tại nền nông nghiệp Việt Nam vẫn còn đang đứng trước một thực trạng yếu kém:

1. Nhân khẩu nông nghiệp quá lớn và còn tăng nhanh, người lao động thiếu việc làm, thu nhập thấp, đời sống khó khăn còn chiếm một tỷ trọng lớn trong dân cư nông thôn.

2. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật trong nông nghiệp chưa đạt đến mức cần thiết tối thiểu, trang bị kỹ thuật nhìn chung rất cũ kỹ, lạc hậu so với trình độ kỹ thuật trên thế giới. Trình độ kỹ thuật và quản lý sản xuất của người lao động cũng còn nhiều hạn chế. Do đó năng suất, chất lượng và hiệu quả của sản xuất nông sản mặc dù có nâng lên nhưng vẫn còn thấp, làm hạn chế khả năng thâm nhập thị trường.

3. Sức mua của thị trường nông sản trong nước còn thấp, việc chen chân vào thị trường thế giới còn rất hạn chế nên việc tiêu thụ nông sản chưa thật ổn định vững chắc; giá cả tiêu thụ còn thấp so với giá trị và mặt bằng giá của thị trường nông sản thế giới.

4. Giáo dục, đào tạo, y tế và các hưởng thụ văn hóa nghệ thuật ở nông thôn còn thấp so với yêu cầu mở mang dân trí, tạo đội ngũ lao động có kỹ

thuật và tạo nhân tài.

III

Với thực trạng đó, chúng tôi chủ trương tiếp tục kiên trì thực hiện và hoàn thiện các biện pháp đổi mới về chính sách đã áp dụng trong nông nghiệp trong các năm qua nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả cao mọi nguồn lực trong nước, tạo thêm và sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ ngoài bằng việc mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với các nước, nhất là hợp tác đầu tư vào lãnh vực nông nghiệp. Nền nông nghiệp Việt Nam chúng tôi gắn với quỹ đất đai và tài nguyên của nhiều tiềm năng để khai thác, có nguồn lao động dồi dào, người Việt Nam thực sự coi mới, đã và đang mở ra cơ hội đầu tư từ nước ngoài để nhanh chóng ổn định và phát triển. Những biện pháp tiếp tục thực hiện là:

1. Thể chế hóa quyền sử dụng ruộng đất lâu dài (kể cả việc thừa kế, chuyển nhượng quyền sử dụng đó), quyền sở hữu và sự tự do chuyển dịch tư liệu sản xuất và nhân lực của người sản xuất nông nghiệp, trên cơ sở đó, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp của tất cả các thành phần kinh tế trong nông nghiệp phát triển, bình đẳng trước pháp luật.

2. Nhà nước dành một phần lớn hơn từ ngân sách và hướng sự hợp tác đầu tư của nước ngoài, của các thành phần kinh tế trong nước vào việc xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, hệ thống chuyển giao khoa học - công nghệ, tạo môi trường thuận lợi về vật chất, kỹ thuật cho các doanh nghiệp nông nghiệp phát triển.

- Cải tiến, tăng cường hệ thống giao thông và thông tin ở nông thôn; hệ thống cung cấp năng lượng; hệ thống bán vật tư kỹ thuật; hệ thống nghiên cứu và dịch vụ kỹ thuật; hệ thống chế biến, bảo quản sản phẩm.

- Tăng cường và cải tiến hệ thống tín dụng nông nghiệp, nhất là hệ thống tín dụng cho nông dân nghèo với lãi suất thấp và không có thế chấp.

3. Nhà nước và cộng đồng chăm lo sự nghiệp giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa xã hội để phát triển nguồn nhân lực nông thôn, nhất là phát triển về chất lượng nguồn nhân lực để có một năng suất lao động cao hơn. Đây cũng là cơ sở cần bản để điều phối một phần nhân lực nông thôn sang phát triển ngành nghề khác, sang công nghiệp và các lĩnh vực khác của đô thị.

4. Về thị trường, cần tiếp tục tăng cường và cải tiến theo các giải pháp sau đây:

- Cải tiến và tăng cường hệ thống thông tin, giao thông và hạ tầng cơ sở nông thôn, tạo môi trường lưu thông hàng hóa thuận tiện, nhanh chóng với chi phí lưu thông thấp.

- Sắp xếp lại hệ thống thương mại, ít tầng nấc, cạnh tranh, không độc quyền. Tạo điều kiện và khuyến khích người sản xuất gắn trực tiếp với thị trường để

việc tiếp nhận cung ứng dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm không bị các giới thương mại độc quyền và ép giá. Phấn đấu hạ phí lưu thông để rút ngắn khoảng cách biệt quá lớn giữa giá bán của người sản xuất và giá tiêu thụ của người tiêu dùng. Trên cơ sở đó, nâng dần giá nông sản (đầu ra) và hạ dần giá cung ứng dịch vụ (đầu vào), tạo lập quan hệ tỷ giá có lợi cho người sản xuất.

- Nhà nước sử dụng một phần quỹ tài chính quốc gia thực hiện việc dự trữ để điều hòa quan hệ cung cầu về vật tư kỹ thuật nông nghiệp và nông sản, tạo sự ổn định giá cả đối với người sản xuất và tiêu thụ, làm lành mạnh hóa quan hệ thị trường.

- Trong điều kiện giá tiêu thụ nông sản trên thị trường nội địa còn thấp vì tiền lương, giá nhân công và các khoản thu nhập của các tầng lớp dân cư chưa tạo được một sức mua cao, cần thiết phải có sự trợ giá của Nhà nước cho người sản xuất. Đối với những nông sản xuất khẩu, chưa có chỗ đứng vững chắc mà còn bị ép giá trên thị trường thế giới, cũng phải có sự trợ giá mua đối với người sản xuất.

5. Cải thiện quan hệ phân phối giữa Nhà nước và nông dân bằng những biện pháp:

- Giảm mức thuế mà người sản xuất phải đóng cho Nhà nước đang còn quá nặng như hiện nay (như pháp lệnh thuế nông nghiệp đang thực hiện và hai dự luật về thuế đất và thuế hoa lợi trên đất).

- Nhà nước thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản các công trình hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật và phát triển nguồn nhân lực miễn phí. Để bù đắp chi phí bảo trì và điều hành các công trình, chỉ nên buộc người sản xuất phải trả một khoản phí trong giới hạn đó.

6. Giải quyết vấn đề nông dân nghèo theo những biện pháp:

- Từng bước chuyển một bộ phận nông dân nghèo và không có khả năng sản xuất kinh doanh nông nghiệp sang sản xuất kinh doanh ngành nghề khác trong sự đa dạng hóa nền kinh tế nông thôn, rồi dần dần chuyển sang công nghiệp và các lĩnh vực khác ở thành thị.

- Nhà nước và cộng đồng thực hiện hỗ trợ tiếp sức đối với nông dân nghèo:

+ Hướng dẫn miễn phí về kỹ thuật và quản lý sản xuất kinh doanh.

+ Tổ chức tín dụng với lãi suất thấp, không thế chấp cho người nghèo.

+ Tổ chức cung ứng dịch vụ với giá ưu đãi, tiêu thụ sản phẩm với giá hỗ trợ.

+ v.v...

- Tổ chức các hình thức đoàn kết tương trợ trong nội bộ nông dân. Tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn, hợp tác xã với chức năng cung ứng dịch vụ, tiêu thụ vì mục tiêu kinh tế và xã hội là những hình thức tổ chức có lợi cho nông dân, cần được khuyến khích và tạo điều kiện phát triển.